

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thúy Hằng

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2024/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 984/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: xóm L, xã T, huyện V, tỉnh N.

Nơi ở hiện nay: 32/9K, tổ 1, ấp T, xã B, huyện M, thành phố H.

2. Bị đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: Thôn 3, xã T, thành phố H, tỉnh H.

Nơi đăng ký tạm trú: nhà trọ Anh Thư, ấp 3 - khu B, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị H tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V,

tỉnh N (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 13/02/2019). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm về mọi mặt, tính tình không hợp nên từ tháng 6/2019 anh chị sống ly thân nhau đến nay. Do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị H.

- Con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.
- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Do ở xa, công việc bận rộn nên anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định.

** Bị đơn chị Hoàng Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ nên không có lời khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Anh Phan Văn T và chị Hoàng Thị H tự nguyện chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh N, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 13/02/2019. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên từ tháng 6/2019 anh T và chị H sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay anh T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H, anh T khai không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị H được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phan Văn T có yêu cầu vắng mặt, chị Hoàng Thị H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Anh Phan Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị H. Theo xác nhận của Công an xã P, huyện N thể hiện chị H có đăng ký tạm trú tại nhà trọ Anh Thư, khu B - ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đ và làm việc tại Công ty giày V. Tuy nhiên

từ khoảng giữa tháng 4/2024 chị H không còn sinh sống tại nhà trọ Anh Thư nữa, hiện nay chị H ở đâu địa phương không rõ.

Xét thấy ngày 19/02/2024, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý vụ án, ngày 15/3/2024 văn phòng thừa phát lại N lập biên bản bàn giao giấy triệu tập và thông báo thụ lý vụ án cho chị Hoàng Thị H ký nhận. Như vậy thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, chị H còn sinh sống tại ấp 3 (khu B), xã P, huyện N nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 và khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”.

Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là anh Phan Văn T, bị đơn là chị Hoàng Thị H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T và chị Hoàng Thị H chung sống vào năm 2019, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 13/02/2019. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Anh T khai sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm về mọi mặt, tính tình không hợp nên từ tháng 6/2019 anh chị sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay anh T yêu cầu giải quyết ly hôn, chị H đã được tổng đạt hợp lệ văn bản nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Từ đó cho thấy chị H không mong muốn hòa giải đoàn tụ với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5]. Tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, anh Phan Văn T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn T về việc “Ly hôn” đối với bị đơn chị Hoàng Thị H.

1. Xử: Cho anh Phan Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017292 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Anh T đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Văn T, chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai